**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N**
**TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HSST
Ngày 18 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Thành và ông Nguyễn Văn Sâm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Lê Thị Nga - Cán bộ Toà án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/TL - HSST ngày 10/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: LXT, sinh ngày 21/12/1988.

Nơi cư trú: thôn B, xã BB, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; bố đẻ: LXN, sinh năm 1964; mẹ đẻ: NTH, sinh năm 1966; vợ: NTL, sinh năm 1991 ( đã ly hôn ); con: có 01 con, sinh năm 2010 ( do bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng ).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại tại xã BB. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: NAM, sinh ngày 17/11/1987.

Nơi cư trú: thôn BN, xã BB, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; bố đẻ: NAT, sinh năm 1960; mẹ đẻ: HTN, sinh năm 1962; vợ, con: không có.

Tiền án: Năm 2014 phạm tội "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" bị Tòa án nhân dân thành phố VY xử phạt 18 tháng tù giam, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 09/01/2016.

Tiền sự: không.

Bị cáo cáo bị công an huyện TĐ bắt tạm giam từ ngày 04/4/2017, hiện tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: KDL ( tức B ), sinh ngày 30/7/1995.

Nơi cư trú: thôn TL, xã BL, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; bố đẻ: KDT, sinh năm 1976; mẹ đẻ: LTN, sinh năm 1976; vợ, con: không có.

Tiền án: Năm 2014 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù giam, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/02/2016.

Tiền sự: không.

Bị cáo cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2017, hiện tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh NVH,sinh năm 1983, có mặt.

Nơi cư trú: thôn QC, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Anh PVV, sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn TD, xã HD, huyện TO, thành phố Hà Nội.

**NHẬN THẤY**

Các bị cáo LXT, NAM, KDL bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2017, LXT có quen biết nảy sinh tình cảm với chị HTNg, sinh năm 1992 ở xã YB, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến giữa tháng 3/2017, T cùng với chị Ng thuê một quán bán hàng giáp đường Quốc lộ 2C, đối diện cổng Trường THCS xã BB, huyện N để chung sống như vợ chồng và bán hàng tại đó. Khoảng 20h ngày 27/3/2017, T thấy chị Ng nhắn tin điện thoại cho anh NVH, sinh năm 1983 (là người yêu trước đây của Nga) thường trú xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội nên tỏ ý ghen tuông. T bắt chị Ng phải gọi điện bảo anh H đi đến xã BB với mục đích để cho T đánh rằn mặt anh H. Sau đó T dùng điện thoại của chị Ng để nhắn tin nhằm lừa cho anh H lên đón chị Ng về Hà Nội chơi, anh H tưởng thật đã thuê anh PVV, sinh năm 1986 thường trú xã HD, huyện TO, thành phố Hà Nội chở Taxi đi đến xã BB. Thời điểm này NAM, sinh năm1987 (là bạn của T) cùng ở xã BB có gọi điện thoại cho T nói chuyện, T nói với M "đang ở quán, lên nhờ tý" và M đồng ý. Một lúc sau M đi đến quán, T nói cho M biết việc anh H đang đến và nhờ M giúp đỡ đánh anh H, M đồng ý. Khoảng 23h cùng ngày, KDL (là bạn của T), sinh năm 1995 thường trú xã BL, huyện TĐ, Vĩnh Phúc gọi điện thoại cho T nói chuyện, T có bảo L sang quán chơi, L đồng ý. Trong thời gian này T vẫn tiếp tục dùng điện thoại của chị Ng nhắn tin chỉ dẫn đường cho anh H đi đến cổng Trường THCS xã BB. Vào khoảng 0h30 ngày 28/3/2017, vì chưa biết anh H nên T nhắn tin lừa cho anh H đi vào quán của T mua thuốc lá, còn T đứng ở ngoài đường quan sát nhằm biết mặt anh H. Làm theo tin nhắn, anh H đã xuống xe đi vào quán gặp M mua 01

bao thuốc lá và hỏi đường về thành phố Vĩnh Yên. Khi đã xác định được anh H là người yêu chị Ng, T chưa kịp bắt giữ thì anh H đã lên xe Taxi cùng anh V đi về hướng UBND xã BB, T chạy về quán lấy xe mô tô chở M đuổi theo anh H. Liền ngay đó KDL cùng với anh TTA, sinh năm 1995 và anh TVC, sinh năm 1996 đều ở xã BL chở nhau bằng xe mô tô đi đến quán của T, T bảo L cùng đuổi theo anh H. Lúc này sẵn xe đang chở L, anh Ch có chở A và L đi theo xe Taxi của anh V. Khi đuổi theo một đoạn đường thì thấy anh V dừng xe xuống đi vệ sinh ở phía sau xe, T cùng với M và L xuống xe lao vào đấm đá anh V, anh V van xin thì T, M và L bắt ép anh V phải lên ngồi ở hàng ghế sau người lái của xe Taxi. T bắt anh H đang ở ngồi ghế phụ xe xuống cùng hàng ghế với anh V và bảo M ngồi trông giữ hai anh, T cầm lái xe Taxi chở mọi người đi về quán của T, còn L đi xe mô tô của T về sau. Thấy T, M, L đánh và bắt giữ anh V, anh H thì anh Ch và A đi xe máy về đứng ở bên ngoài đường gần trước cửa quán của T, không tham gia giúp sức gì trong việc đánh và bắt giữ anh V và anh H. Khi về đến quán, T và L kéo anh H xuống tầng hầm quán của T, anh H hoảng sợ kêu cứu cùng van xin nhưng L và T vẫn đưa xuống tầng hầm để đánh anh H, còn M giữ anh V ở trên quán. Do bị T và L đánh anh H kêu khóc ầm ĩ, van xin, T sợ bị lộ nên bảo L đưa anh H lên quán, H vẫn kêu khóc van xin nhưng T, L tiếp tục dùng chân tay tát, đấm đá vào người anh H, M cầm 01 gậy sắt loại 3 khúc mỗi khúc dài khoảng 20cm (có thể rút ra rút vào như kiểu ăng ten Ti vi) do M mang theo từ trước để đe dọa anh H. Sau khi bắt giữ và đánh anh H khoảng 30 phút, thấy anh H vẫn kêu khóc thì T sợ bị lộ nên bảo với M và L đưa anh H đi nơi khác để tiếp tục đánh. T, M, L lại bắt anh H và anh V phải lên xe Taxi đi cùng T, M và L, T lái xe Taxi đi về hướng xã HL, huyện N và đến một bãi đất trống giáp ve đường Quốc lộ 2C, khi T đang cho xe dừng lại thì anh H lợi dụng sơ hở của M và L đã mở cửa nhảy ra khỏi xe Taxi và chạy vào nhà chị NTD, sinh năm 1967 ở xã HL để nhờ mọi người giúp đỡ. Thấy vậy T, M và L xuống xe đi bộ về, còn anh V hoảng sợ trèo từ ghế phụ sang lái xe Taxi đi về Hà Nội. Nhận được đơn trình báo của anh H ngày 30/3/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện N triệu tập đến làm việc T đã tự khai nhận rõ hành vi cùng đồng bọn đánh, bắt giữ trái phép anh H và anh V.

Sau khi gây ra vụ việc, bị cáo M và L đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 04/4/2017, bị cáo M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy bị Cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ, Vĩnh Phúc khởi tố bắt tạm giam.

Cơ quan CSĐT Công an huyện N quyết định truy nã đối với L, Ngày 20/7/2017 bị cáo L đã đến Công an huyện SL, Vĩnh Phúc đầu thú và khai nhận rõ hành vi đồng phạm với bị can T, M.

Cơ quan CSĐT Công an huyện N quyết định trưng cầu giám định, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản số 94/TgT ngày 11/4/2017, xác định thương tích của NVH là: Bờ mi mắt trái bầm tím hình vòng cung kích thước 2,5cm x 0,5cm; tương ứng khoang liên sườn VI – VII có vết xây xát da nông nằm chéo kích thước 3cm x 0,9cm; mặt ngoài 1/3 dưới cổ tay trái có vết xước da nông kích thước 1,3cm x

0,1cm; 1/3 trên mặt trước ngoài cổ có vết xước da nông hình vòng cung kích thước 1,2cm x 0,1cm. Kết luận: Tổn hại sức khỏe ở thời điểm hiện tại của anh H là 0% (Không phần trăm).

Đối với anh PVV sau khi xảy ra vụ sự việc, anh V khai nhận đã bị bị can T, M, L đánh và bắt giữ nhưng không bị thương tích gì, anh V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau đó nhiều lần được báo gọi nhưng anh V lấy lý do bận công việc nên không hợp tác, Cơ quan điều tra xác minh đến công ty (nơi anh V hợp đồng lái Taxi) và gia đình thì đều xác nhận anh V đã bỏ làm ở công ty Taxi và đi khỏi địa phương nơi cư trú, hiện tại không rõ địa chỉ ở đâu.

Đối với HTN có gọi điện, nhắn tin cho anh NVH nhưng đó là do bị LXT bắt ép, bản thân T không nói và chị Ng cũng không biết mục đích gọi anh H lên để đe dọa, đánh và bắt giữ anh H. Khi thấy T, M, L đánh, bắt giữ anh H và anh V thì chị Ng cũng không tham gia giúp sức gì cho các bị cáo.

Đối với TTA, TVC đã đi cùng với L đuổi theo xe Taxi anh V và có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, nhưng trước đó các bị cáo không nói và bản thân A, C cũng không biết là L đuổi theo để đánh, bắt giữ anh H và anh V. Khi thấy T, M, Lợi đánh, bắt giữ anh H và anh V thì hai anh không tham gia giúp sức gì cho các bị cáo.

Quá trình điều tra anh NVH khai nhận khi bị các đối tượng đánh và bắt giữ thì anh H có rơi mất 01 điện thoại Oppo màu đen, màn hình cảm ứng trị giá khoảng 5.000.000 đồng, bên trong có lắp thẻ sim 0908501486 nhưng không rõ vị trí và người nào nhặt được; mất 01 áo khoác bên trong túi có 960.000 đồng được để trên ghế xe Taxi. Bản thân bị can T, M, L và anh V xác định không lấy hay nhặt được số tài sản của anh H, Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm nhưng không thu giữ được, không đủ cơ sở để kết luận lý do bị mất và có ai chiếm đoạt tài sản của anh H.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 19.200.000 đồng ( trong đó là 01 điện thoại trị giá 5.000.000đ; tiền và áo khoác là 1.000.000 đồng; lệ phí giám định là 1.200.000đ; tiền tổn thất tinh thần cho anh là 12.000.000 đồng ). Anh xác nhận bị cáo T đã bồi thường 11.200.000đ, số tiền 8.000.000đ còn lại yêu cầu các bị cáo M, L phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 44/KSĐT-TA ngày 08 tháng 08 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố các bị cáo LXT, NAM, KDL về tội " Bắt giữ người trái pháp luật" theo điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo M từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo L từ 15 đến 18 tháng tù. Đại diện

Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng của vụ án, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo LXT, NAM, KDL khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận việc bắt giữ trái pháp luật và đánh anh H, anh V như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng, ngoài ra không có lời bào chữa nào khác.

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật chứng thu giữ, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo T, M, L phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật" theo điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: "1. Người nào bắt, giữ.....người trái pháp luật.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:.....đ) Đối với nhiều người".

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là táo bạo, nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo chỉ vì tính ích kỷ của bản thân, ghen tuông vô cớ mà có hành vi cùng nhau bắt giữ, đánh đập anh H, làm cho quần chúng nhân dân lo sợ, vì vậy cần xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật để cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo T sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại là anh H có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do vậy, tuy bị cáo là người chủ mưu nhưng tuổi đời còn trẻ, hiện nay đã ly hôn và phải có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên chỉ cần xử phạt bị cáo mức án bằng với bị cáo M và bị cáo L cũng đủ răn đe bị cáo và phân hóa vai trò tội phạm. Tuy nhiên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo M sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hồi cải; bị hại là anh H có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm

nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Năm 2014 bị cáo bị kết án 18 tháng tù, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng là "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức nhưng tích cực nên phải chịu mức án tù nghiêm khắc, bằng với hình phạt áp dụng đối với bị cáo T. Tại bản án số 33/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện TĐ xử phạt bị cáo M 03 năm 06 tháng tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy", hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp hình phạt của cả hai bản án theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo L sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo đã ra đầu thú; bị hại là anh H có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Năm 2014 bị cáo bị kết án 30 tháng tù, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng là "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức nhưng tích cực nên phải chịu mức án tù nghiêm khắc, bằng với hình phạt áp dụng đối với bị cáo T.

Đối với HTNg có gọi điện, nhắn tin cho anh NVH nhưng đó là do bị LXT bắt ép, bản thân T không nói và chị Ng cũng không biết mục đích gọi anh H lên để đe dọa, đánh và bắt giữ anh H. Khi thấy T, M, L đánh, bắt giữ anh H và anh V thì chị Ng cũng không tham gia giúp sức gì cho các bị cáo nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với TTA, TVC đã đi cùng với L đuổi theo xe Taxi anh V và có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, nhưng trước đó các bị cáo không nói và bản thân A, C cũng không biết là L đuổi theo để đánh, bắt giữ anh H và anh V. Khi thấy T, M, L đánh, bắt giữ anh H và anh V thì hai anh không tham gia giúp sức gì cho các bị cáo nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại là anh NVH và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường và kỷ phần bồi thường của từng bị cáo. Số tiền anh H yêu cầu bồi thường là 19.200.000đ ( trong đó 5.000.000đ tiền do mất điện thoại, 1.000.000đ tiền mặt + Áo khoác bị mất, 1.200.000đ tiền lệ phí giám định thương tích, 12.000.000đ tiền tổn thất tinh thần ).

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản, điện thoại, Áo khoác, chi phí giám định là 7.200.000đ và 4.000.000đ tiền tổn thất tinh thần ( anh H đã nhận đủ tiền bồi thường ).

Số tiền 8.000.000đ còn lại các bị cáo M, L nhất trí mỗi bị cáo bồi thường cho anh H 4.000.000đ.

Xét việc thỏa thuận giữa anh H và các bị cáo là tự nguyện, phù hợp với thiệt hại thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh PVV quá trình điều tra không hợp tác với cơ quan Công an, tại hai phiên tòa đều vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, nên phần bồi thường của anh nếu có sẽ được tách ra, khi anh khởi kiện sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Các bị cáo T, M, L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo M, L còn phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo LXT, NAM, KDL ( tức B ) phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

Áp dụng: điểm đ Khoản 2 Điều 123; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo LXT.

Xử phạt: Bị cáo LXT 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo NAM.

Xử phạt: Bị cáo NAM 01 năm 06 tháng tù, tổng hợp với 03 năm 06 tháng tù của bán án số 33/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2017.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo KDL.

Xử phạt: Bị cáo KDL 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/7/2017.

Áp dụng: Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 357, Điều 590 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo.

Xác nhận bị cáo LXT đã bồi thường đủ cho anh NVH 11.200.000đ. Buộc bị cáo NAM phải bồi thường cho anh NVH số tiền 4.000.000đ. Buộc bị cáo KDL phải bồi thường cho anh NVH số tiền 4.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và anh H có đơn đề nghị thi hành án, nếu các bị cáo M, L không trả đủ khoản tiền 4.000.000đ nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo LXT phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo NAM phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự. Bị cáo KDL phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của người vắng mặt.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Đỗ Thành Công**

***Nơi nhận:***
- VKSND N
- THA N
- Công an N
- Trại giam CA tỉnh
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- UBND xã BB, BL
- Các bị cáo.
- Người bị hại
- Lưu hs+Vp